

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH B**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83B/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23/7/2018
V/v “Ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị N. Y

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị H.
2. Ông Nguyễn Thanh T.

Thư ký phiên tòa: Ông Quang Minh N là thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Ông: Lê Quốc H - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2018/TLST – HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị Như A, sinh năm 1991;

Địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh B

Bị đơn: Anh Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1991;

Địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp C, xã Đ, huyện H, tỉnh B.

(chị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/5/2017 và các lời khai trong quá trình tố tụng chị Mai Thị Như A trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2014 anh chị tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có Đ ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo chị xác định do vợ chồng mâu thuẫn cãi vã và hiện anh chị đã sống ly thân. Nay chị xác định vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Hoàng Khang, sinh ngày 29/11/2014, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định Luật tổ tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Cho chị Mai Thị Như A được ly hôn với anh Nguyễn Hải Đ.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Khang, sinh ngày 29/11/2014 cho chị Mai Thị Như A nuôi dưỡng, hiện chị A đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Mai Thị Như A phải nộp số tiền 300.000đ, chị A đã dự nộp 1.143.000đ theo biên lai thu số 0009835 ngày 19/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí 300.000đ, hoàn lại cho chị A số tiền 843.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long. Số tiền anh Nguyễn Hải Đ nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0009774 ngày 28/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được sung vào công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Mai Thị Như A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hải Đ, có địa chỉ cư trú tại xã Đ, huyện H, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

Chị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Hải Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

Anh Đ đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, xem như anh Đ tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của anh, nên cần chấp nhận theo lời trình bày của chị A.

Về quan hệ hôn nhân: Anh chị tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có Đ ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân anh chị không liên hệ, không có biện pháp để hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Xét thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A là phù hợp.

Về con chung: Trong thời gian anh chị sống ly thân, con chung do chị A trực tiếp nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao con chung Nguyễn Hoàng Khang cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị A không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Anh Nguyễn Hải Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Mai Thị Như A phải nộp số tiền 300.000đ, chị A đã dự nộp 1.143.000đ theo biên lai thu số 0009835 ngày 19/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí 300.000đ, hoàn lại cho chị A số tiền 843.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long. Số tiền anh Nguyễn Hải Đ nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0009774 ngày 28/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Mai Thị Như A được ly hôn với anh Nguyễn Hải Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Khang, sinh ngày 29/11/2014 cho chị Mai Thị Như A nuôi dưỡng, hiện chị A đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

Anh Nguyễn Hải Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ: Không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Chị Mai Thị Như A phải nộp số tiền 300.000đ, chị A đã dự nộp 1.143.000đ theo biên lai thu số 0009835 ngày 19/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long được chuyển thu án phí 300.000đ, hoàn lại cho chị A số tiền 843.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long. Số tiền anh Nguyễn Hải Đ nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số

0009774 ngày 28/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long được sung vào công quỹ nhà nước.

Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện H;
- Chi Cục THA.DS huyện H;
- Chi Cục THA.DS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị N. Y

